TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày:18-9-2024

"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Quang Định và bà Hoàng Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 25-6-2024 về "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22-8-2024, Quyết định hoãn phiên toà số 28/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11-9-2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Liễu Quỳnh N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 4, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 4, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23-5-2024 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, chị Liễu Quỳnh N, đều có lời khai thể hiện:

Chị Liễu Quỳnh N kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn Ngọc Đ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U. Sau khi kết hôn chị N và anh Đ về

chung sống tại địa chỉ số nhà 2, ngách 19, tổ 4, khu C, phường P, thành phố U (ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ của chị N). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Đ mải chơi, nợ nần cá nhân bên ngoài nhiều, sống không chung thuỷ với vợ, về nhà có hành vi đập phá nhà cửa, gây hư hỏng tài sản gia đình và ảnh hưởng đến tâm lý của con và của chị N. Chính vì mâu thuẫn quá trầm trọng nên năm 2020, chị N và anh Đ đã sống ly thân với nhau. Khi ly thân, chị N và con sống tại địa chỉ tổ 4, khu C, phường P còn anh Đ thuê nhà ở trọ gần bố mẹ đẻ của anh Đ. Quá trình sống ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn và đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị N và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: chị N xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án không có lý do, không có quan điểm trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 09-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - bà Bế Kim T (là mẹ đẻ của chị Liễu Quỳnh N) nơi ĐKHKTT: khối 3, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: tổ 4, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: chị N là con đẻ còn anh Đ là con rể của bà T. Chị N và anh Đ kết hôn năm 2012. Sau đó vợ chồng bà T mua đất và xây nhà năm 2012 tại địa chỉ tổ 4, khu C, phường P và cho vợ chồng chị N, anh Đ ở nhờ. Chị N và anh Đ sinh sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Năm 2020, vợ chồng chị N anh Đ sống ly thân. Năm 2021, vợ chồng bà Thịnh chuyển về sinh sống tại địa chỉ tổ 4, khu C, phường P cùng chị N. Quá trình sống ly thân anh Đ có thỉnh thoảng về thăm con chung của chị N và anh Đ. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân của chị N và anh Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà T đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung của chị N và anh Đ bà T cũng trình bày: chị N và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013. Khi chị N và anh Đ sống ly thân, cháu H vẫn ở với mẹ. Bà T đề nghị Toà án giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng vì chị N có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dưỡng tốt cháu H.

Tại biên bản xác minh ngày 09-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Lương Văn N1 (trưởng khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh), ông N1 cung cấp sự việc: chị N và anh Đ là công dân cư trú tại tổ 4, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chị N và anh Đ kết hôn và sinh sống tại địa phương từ năm 2012. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông N1 được biết là do bất đồng quan điểm sống. Chị N1, anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, chị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Đ, ông N1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 12-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Nguyễn Ngọc G (là bố đẻ của anh Nguyễn Ngọc Đ), địa chỉ: tổ 1, khu 1, phường T, thành phố U cung cấp sự việc: chị N là con dâu còn anh Đ là con trai của ông G. Chị N và anh Đ kết hôn năm 2012 và chung sống tại địa chỉ tổ 4, khu C, phường P. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2019, năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông G trình bày do chị N và anh Đ bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2020 cho đến nay, chị N và anh Đ sống ly thân. Nay chị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Đ, ông G đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của chị N và anh Đ, ông G cũng trình bày: chị N và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013. Ông G đề nghị Toà án giải quyết vấn đề con chung của chị N và anh Đ theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung xác minh việc tống đạt các văn bản của Toà án cho anh Đ, ông Nguyễn Ngọc G cũng trình bày tất cả các văn bản tố tụng do Toà án thông báo như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Toà án.....ông G đều đã nhận thay anh Nguyễn Ngọc Đ. Ông G đã thông báo và giao văn bản trực tiếp cho anh Đ. Anh Đ đều đã nhận được tất cả những văn bản trên. Tuy nhiên, anh Đ có nói với ông G là do bận làm việc nên không đến theo thông báo hay giấy triệu tập của Toà án.

Tại Biên bản ghi lời khai của con chung là cháu Nguyễn Đức Gia H có nội dung cháu H có mong muốn Toà án giải quyết cho bố mẹ cháu được ly hôn và cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo quy định. Do các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Việc tống đạt văn bản cho đương sự, giao tài liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ.

Về con chung: căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao cháu Nguyễn Đức Gia H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Liễu Quỳnh N khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ cư trú tại tổ 4, khu C phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Xét nguyên đơn chị Liễu Quỳnh N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: chị N và anh Đ kết hôn từ năm 2012 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ và tin tưởng nhau cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Chị N và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị N gửi đơn xin ly hôn anh Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: chị N và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013. Quan điểm của chị N khi ly hôn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh Đ sống ly thân từ năm 2020 đến nay, cháu H vẫn ở với mẹ và tại biên bản ghi lời khai cháu H có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ. Mặt khác, anh Đ vắng mặt, không có quan điểm trình bày về con chung. Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản vay nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Quỳnh N về việc xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Liễu Quỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Gia H, sinh ngày 22-01-2013 cho chị Liễu Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Liễu Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000^{đ} (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002682 ngày 25-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc sau 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Uông Bí;
- UBND phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự;
- Niêm yết tại trụ sở cơ quan Tòa án; nơi cư trú (trường hợp cần niêm yết theo quy định).
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đồng